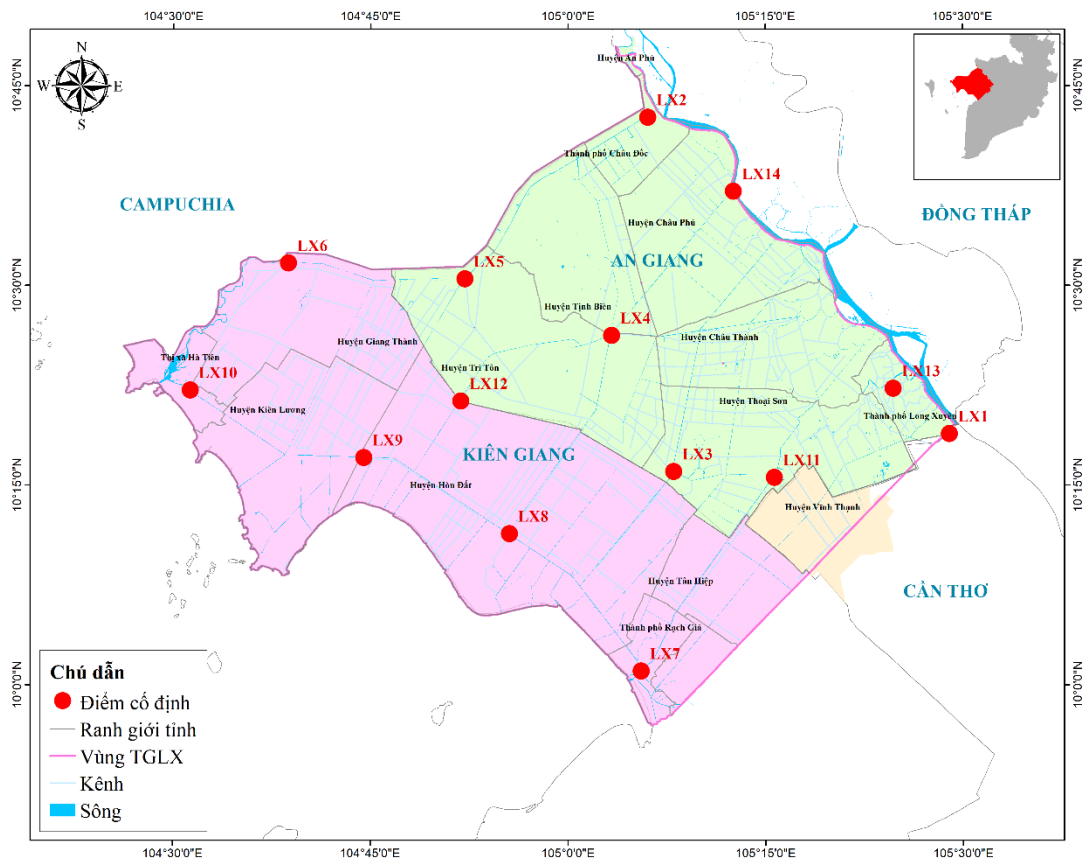


BẢN TIN TUẦN KỲ 1

“Đợt đo ngày 12/02/2025, dự báo từ ngày 21/02÷28/02/2025”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 12/02/2025

Nhiệm vụ quan trắc tại 14 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 12/02/2025)

Bảng 1: Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 14 vị trí giám sát

TT	Vị trí thu mẫu	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	Tổng Nito (TN)	Tổng Phosphor (TP)	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	(Kí hiệu)		‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l		MPN/100ml		
	QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, mức B)	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15	≤ 1,5	≤ 0,3	≤5.000		
1	Đầu kênh Cái Sắn phía sông Hậu (LX1)	7,5	0,0	19,35	5,12	12,20	22,12	0,86	0,76	2000	73	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
2	Đầu kênh Vĩnh Tế phía sông Hậu (LX2)	7,6	0,0	12,60	4,98	12,80	20,50	0,92	0,41	2300	73	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
3	Giao của kênh Ba Thê và kênh Ba Thê mới (LX3)	7,4	0,0	62,91	5,85	10,20	19,60	1,24	0,52	1400	79	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
4	Giao của kênh Tri Tôn, Trà Sư và Mạc Cần Dung (LX4)	7,3	0,0	19,48	4,87	11,70	20,21	1,62	0,61	2700	73	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
5	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh T5 (LX5)	7,7	0,0	46,88	5,09	10,50	19,50	0,98	0,54	3400	73	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 12/02/2025)

TT	Vị trí thu mẫu	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	Tổng Nito (TN)	Tổng Phosphor (TP)	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	(Kí hiệu)		‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l		MPN/100ml		
	QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, mức B)	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15	≤ 1,5	≤ 0,3	≤5.000		
6	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh Hà Giang (LX6)	7,6	0,1	10,08	4,97	14,34	23,40	1,02	0,48	1900	71	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
7	Tp, Rạch Giá, cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên (LX7)	6,7	0,1	38,66	5,18	10,30	22,40	0,82	0,56	3100	73	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
8	Giao giữa kênh Tri Tôn và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX8)	7,4	0,0	60,08	4,82	11,80	18,40	0,90	0,47	4700	68	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
9	Giao giữa kênh T5 và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX9)	7,2	0,1	97,10	5,17	11,70	20,60	1,08	0,58	3300	72	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
10	Giao giữa kênh Hà Giang và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (Cầu Hà Giang) (LX10)	8,1	21,8	6,40	6,02	18,24	30,70	1,89	0,42	4900	64	Khu vực nuôi tôm nước lợ, giá độ mặn nằm trong ngưỡng thích hợp để lấy nước vào các ruộng tôm (7-25‰). Nguồn nước có dấu hiệu ô

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 12/02/2025)

TT	Vị trí thu mẫu	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	Tổng Nito (TN)	Tổng Phosphor (TP)	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	(Kí hiệu)		‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l		MPN/100ml		
	QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, mức B)	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15	≤ 1,5	≤ 0,3	≤5.000		
												nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng nên cần lưu ý theo dõi và xử lý nguồn nước trước khi lấy vào các ruộng tôm.
11	Giao giữa kênh Ba Thê Mới và Kênh Rạch Giá Long Xuyên (LX11)	7,5	0,0	42,33	4,88	13,40	25,40	1,32	0,37	5800	61	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
12	Giao của kênh Tám Ngàn và kênh ranh An Giang-Kiên Giang (LX12)	7,4	0,0	19,50	5,96	12,60	20,15	1,24	0,52	4200	73	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
13	Đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên từ sông Hậu vào (LX13)	7,5	0,0	8,36	5,88	9,60	15,47	1,42	0,64	1600	81	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
14	Đầu kênh Vĩnh Tre phía sông Hậu (LX14)	7,6	0,0	9,39	5,94	12,70	22,70	1,30	0,68	1700	76	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 12/02/2025)

TT	Vị trí thu mẫu	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	Tổng Nito (TN)	Tổng Phosphor (TP)	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	(Kí hiệu)		‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l		MPN/100ml		
	QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, mức B)	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15	≤ 1,5	≤ 0,3	≤5.000		

Nhận xét chung: Qua đợt quan trắc ngày 12/2/2025 cho thấy: Các thông số môi trường nước như pH, Độ mặn, TSS, DO, tổng Nito và Coliform tại hầu hết các trạm giám sát trong hệ thống CTTL TGLX đều nằm trong giới hạn cho phép cột B của QCVN08:2023/BTNMT.

- Chỉ tiêu BOD₅, COD tại tất cả các trạm đều vượt ngưỡng cho phép cột B của QCVN08:2023/BTNMT, cho thấy khu vực này đang bị ô nhiễm hữu cơ khá cao, điều này có thể gây ra sự giảm nồng độ Oxy, ảnh hưởng đến sự sống của các sinh vật thủy sinh và toàn bộ hệ sinh thái thủy sinh, suy giảm khả năng tự làm sạch của thủy vực. - Hàm lượng tổng Phosphor tại tất cả các trạm đều vượt ngưỡng cho phép cột B, có khả năng gây ra hiện tượng phú dưỡng của thủy vực, tình trạng phú dưỡng do ô nhiễm Phosphor gây ra hiện tượng tảo nở hoa, khi tảo chết đi và phân hủy, nguồn nước bị ô nhiễm này có thể gây chết các loài cá và thủy sinh vật do thiếu Oxy và ánh sáng.

Vì vậy: Cần tiếp tục theo dõi và có các biện pháp khơi thông dòng chảy để giảm thiểu tích tụ các chất ô nhiễm, tăng khả năng tự làm sạch của môi trường nước.

Ghi chú: Các giá trị in đậm là giá trị vượt ngưỡng cho phép.

Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

2. Dự báo chất lượng nước ngày 21/02÷28/02/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, tổng Nitơ (TN) từ ngày 21/02÷28/02/2025 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 21/02÷28/02/2025 dao động trong khoảng 0,0÷24,2‰; độ mặn được dự báo ít có sự biến động so với giá trị thực đo ngày 12/02/2025 (Bảng 2).

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 21/02÷28/02/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo								(‰)	
		21/02	22/02	23/02	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,1
	LX2	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1
	LX13	0,1	0,1	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,1
	LX14	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0,1	0,1	0,0	0,1	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1
	LX4	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	0,0	0,1
	LX5	0,0	0,1	0,1	0,0	0,1	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1
	LX6	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1
	LX11	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1
	LX12	0,1	0,1	0,0	0,1	0,0	0,1	0,0	0,1	0,0	0,1
Phía ven biển Tây	LX7	0,1	0,0	0,1	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1
	LX8	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1
	LX9	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1
	LX10	24,1	24,2	23,8	23,4	22,8	22,2	21,8	21,6	21,6	24,2
Ranh mặn	<1 ‰	1‰-4‰		>4‰							
Khuyến cáo	- Từ ngày 21/02÷28/02/2025, nguồn nước khu vực canh tác lúa không bị nhiễm mặn, sử dụng tốt để tưới tiêu cho lúa và hoa màu. - Độ mặn tại điểm LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) có độ mặn dự báo nằm trong ngưỡng thích hợp để nuôi tôm nước lợ (7-25‰) nên bà con yên tâm để lấy nước vào các ruộng tôm.										

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Nồng độ DO dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 4,2÷6,4 mg/l, giá trị DO dự báo ít biến động so với giá trị thực đo ngày 12/02/2025 (Bảng 3).

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 21/02÷28/02/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo								mg/l	
		21/02	22/02	23/02	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	Min	Max

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 12/02/2025)

Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	5,4	5,4	5,4	5,1	5,0	5,0	5,1	5,1	5,0	5,4
	LX2	4,8	4,8	5,1	5,5	5,7	6,1	6,4	6,4	4,8	6,4
	LX13	5,5	5,5	5,5	5,5	5,5	5,5	5,5	5,5	5,5	5,5
	LX14	5,7	5,8	5,8	5,9	6,0	6,0	6,0	6,0	5,7	6,0
Khu vực giữa nội đồng	LX3	5,5	5,5	5,5	5,6	5,6	5,6	5,5	5,5	5,5	5,6
	LX4	4,3	4,3	4,4	4,4	4,4	4,4	4,3	4,2	4,2	4,4
	LX5	5,4	4,3	4,3	4,4	4,4	4,4	4,4	4,3	4,3	5,4
	LX6	5,1	5,0	5,0	4,9	4,9	4,8	4,8	4,9	4,8	5,1
	LX11	5,8	5,4	5,2	5,2	5,2	5,3	5,3	5,3	5,2	5,8
	LX12	5,6	5,8	5,4	5,2	5,2	5,2	5,2	5,2	5,2	5,8
Phía ven biển Tây	LX7	5,7	5,4	5,2	5,0	5,0	5,1	5,1	5,1	5,0	5,7
	LX8	5,4	5,1	4,9	5,0	5,1	5,1	5,1	5,2	4,9	5,4
	LX9	5,1	5,1	5,1	5,2	5,2	5,2	5,1	5,1	5,1	5,2
	LX10	5,8	5,5	5,4	5,5	5,7	5,7	5,7	5,7	5,4	5,8
QCVN08 Cột A	≥ 6										
QCVN08 Cột B	≥ 5										
Vượt cột B	<5										
Khuyến cáo	- Từ ngày 21/02÷28/02/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị oxy hòa tan dự báo tại hầu hết các điểm giám sát đều nằm trong giới hạn cho phép của cột B theo QCVN08:2023/BTNMT nên đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. Riêng điểm LX4, LX5 có giá trị oxy hòa tan khá thấp nên người dân cần lưu ý khi nuôi trồng thủy sản.										

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 8,1÷16,6 mg/l, giá trị BOD₅ dự báo có xu hướng giảm tại hầu hết các điểm giám sát (10/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 12/02/2025 với biên độ dao động ở mức thấp (Bảng 4).

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 21/02÷28/02/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo								mg/l	
		21/02	22/02	23/02	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	12,5	12,7	12,7	11,9	10,9	10,3	10,2	10,9	10,2	12,7
	LX2	11,6	10,5	9,8	10,1	10,8	11,4	11,5	11,6	9,8	11,6
	LX13	9,1	9,0	9,4	9,6	9,6	9,5	9,1	8,7	8,7	9,6
	LX14	10,7	10,7	10,6	10,5	10,4	10,3	10,3	10,3	10,3	10,7
Khu vực giữa nội đồng	LX3	10,7	11,2	11,3	11,3	11,2	11,1	11,0	10,7	10,7	11,3
	LX4	10,8	11,0	11,3	11,9	12,3	12,1	11,5	11,0	10,8	12,3
	LX5	8,2	8,5	9,1	9,2	9,2	9,3	9,2	9,1	8,2	9,3

	LX6	13,2	13,3	12,8	12,9	13,4	13,9	14,3	14,1	12,8	14,3
	LX11	12,0	11,9	11,6	11,1	10,7	10,5	10,5	10,5	10,5	12,0
	LX12	11,3	11,9	12,3	12,1	11,5	11,0	10,6	10,2	10,2	12,3
Phía ven biên Tây	LX7	9,5	8,8	8,1	8,9	10,4	10,4	10,1	9,6	8,1	10,4
	LX8	11,6	11,8	12,0	12,1	11,9	11,4	10,8	10,1	10,1	12,1
	LX9	10,3	10,3	10,4	10,5	10,6	10,7	10,8	10,9	10,3	10,9
	LX10	15,7	16,4	16,6	16,1	15,1	15,6	16,1	16,2	15,1	16,6
QCVN08 Cột A		≤ 4									
QCVN08 Cột B		≤ 6									
Vượt cột B		> 6									
Khuyến cáo		- Từ ngày 21/02÷28/02/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị Oxy sinh hóa dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều vượt ngưỡng cho phép của cột B theo QCVN08:2023/BTNMT cho thấy khu vực khảo sát tiếp tục có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ khá cao.									

2.4. Tổng Nitơ (TN)

Giá trị tổng Nitơ dự báo trong HTTL TGLX dao động trong khoảng từ 0,7÷2,0 mg/l, giá trị tổng Nitơ dự báo có xu hướng giảm tại phần lớn các điểm giám sát (8/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 12/02/2025 (Bảng 5).

Bảng 5: Giá trị dự báo tổng Nitơ tại các điểm giám sát từ 21/02÷28/02/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo								mg/l	
		21/02	22/02	23/02	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	1,0	0,9	0,9	0,9	0,8	0,8	0,8	0,9	0,8	1,0
	LX2	0,9	0,9	0,9	0,9	1,0	1,0	1,0	1,0	0,9	1,0
	LX13	1,3	1,2	1,2	1,2	1,1	1,2	1,2	1,2	1,1	1,3
	LX14	1,0	1,1	1,0	0,9	0,9	0,8	0,8	0,8	0,8	1,1
Khu vực giữa nội đồng	LX3	1,1	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	1,1
	LX4	1,7	1,9	1,8	1,7	1,8	1,6	1,4	1,1	1,1	1,9
	LX5	0,9	0,8	0,8	0,8	0,8	0,9	0,9	0,9	0,8	0,9
	LX6	1,0	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	1,0	0,9	0,9	1,0
	LX11	0,9	0,9	0,9	0,9	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,9
	LX12	1,2	1,2	1,3	1,3	1,3	1,2	1,2	1,1	1,1	1,3
Phía ven biên Tây	LX7	0,8	0,8	0,8	0,8	0,7	0,7	0,7	0,7	0,7	0,8
	LX8	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,9	0,8	0,8	1,0
	LX9	1,0	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,1
	LX10	2,0	1,8	1,7	1,7	1,8	1,9	1,9	1,9	1,7	2,0

QCVN08 Cột A	$\leq 0,6$
QCVN08 Cột B	$\leq 1,5$
Vượt cột B	$>1,5$
Khuyến cáo	- Từ ngày 21/02÷28/02/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị tổng Nitơ (TN) dự báo tại hầu hết các điểm đều nằm trong giới hạn cho phép của cột B theo QCVN08:2023/BTNMT nên người dân vẫn có thể yên tâm lấy nước cho mục đích tưới tiêu và hoạt động tương đương khác. - Riêng điểm LX10, cần lưu ý chỉ tiêu tổng Nitơ có giá trị dự báo vượt quá quy chuẩn cho phép của cột B trong nhiều ngày.

Khuyến cáo:

Trong tuần từ 21/02÷28/02/2025, chất lượng nước trong hệ thống CTTL Tứ Giác Long Xuyên được dự báo có xu hướng tốt hơn ở hầu hết các thông số (Độ mặn, DO, tổng Nitơ), các giá trị dự báo hầu hết nằm trong giới hạn cho phép để phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. Riêng thông số BOD₅ dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều vượt ngưỡng cho phép, cho thấy khu vực khảo sát tiếp tục có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ khá cao. Điểm LX10 (khu vực nuôi tôm nước lợ), độ mặn dự báo vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp của nuôi tôm nên bà con yên tâm để lấy nước vào các ruộng tôm.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Kiên Giang, An Giang;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB



Phạm Văn Tùng